

## **Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội**

Các báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 42

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 11 năm 2001. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 15 vào ngày 22 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm làm từ sữa, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, nước uống, các loại nước trái cây và các hoạt động kinh doanh khác.

Công ty có trụ sở chính tại Km số 9, Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam và chi nhánh Hồ Chí Minh tại số 2, phường 13, đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Quang Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Bà Nguyễn Mai Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Hồng	Thành viên	
Ông Phạm Tùng Lâm	Thành viên	
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Ngọc Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012
Bà Đặng Thị Thanh Nga	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Minh	Thành viên	
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2012

### BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Quang Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hà Quang Tuấn.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, ngoại trừ các vấn đề được trình bày trong báo cáo kiểm toán độc lập, các báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

---

Hà Quang Tuấn  
Thay mặt Ban Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2013

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến kiểm toán***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 27 – Giao dịch với các bên liên quan, trong năm 2012, Công ty đã thanh lý một số máy móc thiết bị cho các bên có liên quan của Công ty. Cho đến ngày của các báo cáo tài chính này, những tài sản trên vẫn đang được gửi tại nhà máy của Công ty và giao dịch vẫn chưa được thanh toán đầy đủ. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định liệu Công ty có còn nắm quyền kiểm soát đối với các tài sản được thanh lý này và liệu Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch thanh lý tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo các điều kiện ghi nhận doanh thu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác hay không. Do đó, chúng tôi không thể xác định được tính chắc chắn của việc ghi nhận các giao dịch thanh lý tài sản và khoản thu nhập khác với giá trị 10.222.317.483 đồng từ các giao dịch này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### ***Ý kiến kiểm toán***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

---

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

---

Nguyễn Thái Thanh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0402/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2013

---

Lã Quý Hiền  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1691/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>128.890.771.281</b>	<b>121.573.970.362</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>5.044.444.366</b>	<b>3.934.860.041</b>
111	1. Tiền		5.044.444.366	1.085.463.042
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.849.396.999
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>31.335.000</b>	<b>31.335.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		132.600.000	132.600.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(101.265.000)	(101.265.000)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>67.330.953.150</b>	<b>59.182.976.249</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	26.525.610.956	27.612.043.624
132	2. Trả trước cho người bán		8.028.891.141	23.971.576.894
135	3. Các khoản phải thu khác	7	35.642.804.380	9.597.764.955
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,7	(2.866.353.327)	(1.998.409.224)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>49.328.804.195</b>	<b>52.534.132.390</b>
141	1. Hàng tồn kho		49.328.804.195	54.155.224.074
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.621.091.684)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.155.234.570</b>	<b>5.890.666.682</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.452.508.943	3.796.682.672
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	97.612.237
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	4.702.725.627	1.996.371.773
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>84.993.100.772</b>	<b>92.424.444.052</b>
<b>220</b>	<b>I Tài sản cố định</b>		<b>48.753.669.059</b>	<b>86.853.755.528</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	48.735.472.848	62.814.905.324
222	Nguyên giá		121.142.249.099	151.843.086.476
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(72.406.776.251)	(89.028.181.152)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	18.196.211	25.261.654
228	Nguyên giá		336.289.821	336.289.821
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(318.093.610)	(311.028.167)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	-	24.013.588.550
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>-</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	27.000.000.000	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	750.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(750.000.000)	(750.000.000)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.239.431.713</b>	<b>5.570.688.524</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	9.239.431.713	5.570.688.524
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>213.883.872.053</b>	<b>213.998.414.414</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>81.516.423.583</b>	<b>81.759.363.423</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>81.037.338.333</b>	<b>80.928.424.250</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	52.063.281.162	46.986.582.942
312	2. Phải trả người bán		8.772.191.444	16.403.871.157
313	3. Người mua trả tiền trước		906.224.680	390.012.124
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.444.979.488	6.646.570.967
315	5. Phải trả người lao động		3.791.168.241	3.994.258.532
316	6. Chi phí phải trả	17	4.153.181.591	5.340.101.887
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	3.906.311.727	1.167.026.641
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>479.085.250</b>	<b>830.939.173</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	19	479.085.250	830.939.173
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>132.367.448.470</b>	<b>132.239.050.991</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>132.367.448.470</b>	<b>132.239.050.991</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		125.000.000.000	125.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		63.778.796.500	63.778.796.500
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.817.286.084	3.817.286.084
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		1.160.418.827	1.160.418.827
420	5. Lỗ lũy kế		(61.389.052.941)	(61.517.450.420)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>213.883.872.053</b>	<b>213.998.414.414</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (VNĐ)	9.085.015.947	5.458.669.929
2. Tài sản nhận giữ hộ (VNĐ)	45.495.780.832	-
3. Ngoại tệ các loại – Đô la Mỹ (USD)	763	2.207

Người lập  
Hoàng Duy Hưng

Kế toán trưởng  
Phạm Tùng Lâm

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Quang Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	234.862.570.173	282.444.416.781
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(11.300.408.078)	(10.364.560.673)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	223.562.162.095	272.079.856.108
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(188.823.145.690)	(219.519.852.360)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		34.739.016.405	52.560.003.748
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.264.147.972	2.180.542.386
22	7. Chi phí tài chính	23	(7.062.377.296)	(7.369.232.033)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(6.853.805.635)	(4.694.317.203)
24	8. Chi phí bán hàng		(38.312.930.065)	(37.730.089.177)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(12.505.270.439)	(10.539.141.763)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.877.413.423)	(897.916.839)
31	11. Thu nhập khác	24	40.813.323.214	4.200.080.860
32	12. Chi phí khác	24	(17.719.232.033)	(1.692.030.763)
40	13. Lợi nhuận khác	24	23.094.091.181	2.508.050.097
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.216.677.758	1.610.133.258
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	(33.500.000)
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.216.677.758	1.576.633.258
70	18. Lãi trên mỗi cổ phiếu	28		
	- Lãi cơ bản/suy giảm		97	126

Người lập  
Hoàng Duy Hưng

Kế toán trưởng  
Phạm Tùng Lâm

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Quang Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2013



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>1.216.677.758</b>	<b>1.610.133.258</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ		12.123.243.943	12.072.044.531
03	Các khoản dự phòng		867.944.103	445.352.857
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-	(137.859.679)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư, thanh lý tài sản cố định		(24.097.973.761)	(3.480.858.708)
06	Chi phí lãi vay	23	6.853.805.635	4.694.317.203
<b>08</b>	<b>(Lỗ)/lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(3.036.302.322)</b>	<b>15.203.129.462</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		13.936.359.657	(23.613.213.988)
10	Giảm hàng tồn kho		3.205.328.195	4.005.927.166
11	Giảm các khoản phải trả		(4.315.246.683)	(9.785.750.092)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.324.569.460)	554.256.147
13	Tiền lãi vay đã trả		(6.786.589.507)	(4.694.317.203)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(200.000.000)	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.088.280.279)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(609.300.399)</b>	<b>(18.329.968.508)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản cố định khác		(3.422.145.742)	(4.051.391.638)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	3.244.786.364
24	Tiền lãi tiền gửi nhận được		64.332.246	1.252.511.851
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(3.357.813.496)</b>	<b>445.906.577</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		108.808.833.442	104.567.981.133
35	Tiền chi trả nợ gốc vay		(103.732.135.222)	(100.966.788.366)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

*Đơn vị tính: đồng Việt Nam*

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>5.076.698.220</b>	<b>3.601.192.767</b>
<b>50</b>	<b>Tăng/(giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>1.109.584.325</b>	<b>(14.282.869.164)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>3.934.860.041</b>	<b>18.217.729.205</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>5.044.444.366</b>	<b>3.934.860.041</b>

\_\_\_\_\_  
Người lập  
Hoàng Duy Hưng

\_\_\_\_\_  
Kế toán trưởng  
Phạm Tùng Lâm

\_\_\_\_\_  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Quang Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000592, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 11 năm 2001. Công ty đã đăng ký sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 15 vào ngày 22 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là chế biến và kinh doanh sữa bò, sữa đậu nành, các sản phẩm làm từ sữa, chế biến hàng nông sản, thực phẩm, nước uống, các loại nước trái cây và các hoạt động kinh doanh khác.

Công ty có trụ sở chính tại Km số 9, Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội, Việt Nam và chi nhánh Hồ Chí Minh tại số 2, phương 13, đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 272 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 329 người).

*Công ty con không được hợp nhất vào các báo cáo tài chính của Công ty*

Công ty có khoản đầu tư vào công ty con sau không được hợp nhất vào các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2012.

Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312087253 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2012. Hoạt động chính của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh và bán buôn thực phẩm. Công ty này có trụ sở chính đăng ký tại tầng 1, số 60 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty nắm giữ 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0312087253 của Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 19 tháng 3 năm 2013, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên giảm xuống còn 18%. Theo điều khoản miễn trừ nêu ra trong đoạn 5 của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con, Công ty đã lựa chọn không hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên vào các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do quyền kiểm soát của Công ty vào Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên chỉ là tạm thời (được nắm giữ dưới 12 tháng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các tình hình nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### **2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đồng tiền kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") như trong các năm trước, Công ty bắt đầu thực hiện Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Theo Thông tư 179, tại thời điểm cuối năm, các khoản tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Trong năm 2011, Công ty sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo để thực hiện việc quy đổi này.

Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Việc thay đổi từ sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang sử dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm có ảnh hưởng không đáng kể đến các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### 3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                           |   |
|---------------------------|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm                | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

***Dự phòng cho hàng tồn kho***

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.7 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	4 - 7 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Khấu hao và khấu trừ* (tiếp theo)

Trang thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	4 - 5 năm

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Chi phí quảng cáo hỗ trợ sản phẩm mới
- ▶ Chi phí hỗ trợ kho lạnh, tủ mát cho nhà phân phối;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- ▶ Chi phí trả trước khác phục vụ nhiều kỳ sản xuất kinh doanh

#### 3.10 *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương tháng bình quân sử dụng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh tại cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Khoản trợ cấp trích thêm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

#### 3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước. Bên cạnh CMKTVN số 10, bắt đầu từ năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư 179 đối với các nghiệp vụ ngoại tệ như được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.15 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản phải thu và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư vào công cụ tài chính được niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, chi phí phải trả và nợ và vay.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	247.906.126	102.039.950
Tiền gửi ngân hàng	4.796.538.240	983.423.092
Các khoản tương đương tiền	-	2.849.396.999
	<b><u>5.044.444.366</u></b>	<b><u>3.934.860.041</u></b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng. Các khoản tiền gửi này có mức lãi suất 14%/năm cho tiền gửi bằng đồng Việt Nam.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng (cổ phần)</i>	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>Số lượng (cổ phần)</i>	<i>Giá trị (VNĐ)</i>
Đầu tư cổ phiếu niêm yết của Công ty Sông Đà 9	900	132.600.000	900	132.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		<u>(101.265.000)</u>		<u>(101.265.000)</u>
		<b><u>31.335.000</u></b>		<b><u>31.335.000</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	16.397.265.313	14.977.465.817
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	10.128.345.643	12.634.577.807
	<b><u>26.525.610.956</u></b>	<b><u>27.612.043.624</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.956.206.354)	(1.498.409.224)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu Công ty TNHH Đức Tấn - Sài Gòn [1]	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Thiết bị và Ô tô Việt Nam [2]	3.869.583.541	3.281.425.931
Phải thu Công ty Tetra Pak Ấn Độ [3]	4.372.407.231	4.681.693.680
Phải thu Công ty Tetra Pak Việt Nam	410.146.973	393.999.478
<b>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</b>	25.700.006.688	-
Phải thu khác	290.659.947	240.645.866
	<b>35.642.804.380</b>	<b>9.597.764.955</b>
Dự phòng phải thu khó đòi khác	(910.146.973)	(500.000.000)

Các khoản phải thu khác bao gồm các khoản phải thu có số dư lớn như sau:

- [1] Đây là khoản góp vốn để thành lập Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Đức Tấn - Sài Gòn trong năm 2007. Theo giấy phép kinh doanh số 0103017866 cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn, Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội sẽ góp 5.000.000.000 đồng, chiếm 16,13% tổng vốn góp. Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội đã góp vốn trong năm 2007 với tổng số tiền là 2.500.000.000 đồng.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Đức Tấn - Sài Gòn, do các bên tham gia không định giá được giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định giải thể Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Đức Tấn - Sài Gòn và phần vốn góp của Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội sẽ được Công ty TNHH Đức Tấn - Sài Gòn, là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Đức Tấn - Sài Gòn, hoàn trả dần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số tiền Công ty còn phải thu của Công ty TNHH Đức Tấn - Sài Gòn là 1.000.000.000 đồng. Theo biên bản làm việc và đối chiếu công nợ ngày 5 tháng 1 năm 2011, Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn đồng ý trả số tiền trên cho Công ty sau khi quyết toán các chi phí liên quan đến việc thành lập, giải thể và các chi phí phát sinh trong giai đoạn hoạt động và chi phí quyết toán của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Đức Tấn - Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã lập dự phòng cho khoản phải thu này ở mức 500.000.000 đồng.

- [2] Khoản phải thu này bao gồm phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Ô tô Việt Nam 1.850.000.000 đồng và được trình bày như là một khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do Công ty quyết định rút vốn khỏi Công ty Cổ phần Ô tô Việt Nam và khoản phải thu cho thuê nhà là 241.488.000 đồng, tiền phạt lãi trả chậm là 1.778.095.541 đồng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- [3] Khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam liên quan đến tiền hỗ trợ marketing cho sản phẩm mới của Công ty trong năm 2012 và tiền chiết khấu thương mại từ các hợp đồng mua giấy, bao bì của Công ty với Công ty Tetra Pak Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	38.853.790.393	35.141.064.863
Công cụ, dụng cụ	5.893.062.146	4.507.181.380
Thành phẩm	2.493.678.655	5.259.703.602
Hàng hóa	1.967.674.801	1.214.518.582
Hàng mua đang đi trên đường	120.598.200	8.032.755.647
	<b><u>49.328.804.195</u></b>	<b><u>54.155.224.074</u></b>

**Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đầu năm	1.621.091.684	1.398.818.389
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	311.837.482
Trừ: Xóa sổ khoản dự phòng trong năm (*)	(1.621.091.684)	(89.564.187)
Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho cuối năm	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.621.091.684</u></b>

(\*) Theo biên bản xử lý nguyên vật liệu, thành phẩm ngày 15 tháng 3 năm 2012 được ký duyệt bởi Ban Giám Đốc, Công ty đã hủy toàn bộ số hàng tồn kho đã trích lập dự phòng không còn sử dụng được.

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	4.694.207.359	1.969.853.606
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	8.518.268	26.518.167
	<b><u>4.702.725.627</u></b>	<b><u>1.996.371.773</u></b>

# Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	26.836.457.865	117.066.847.135	5.589.689.489	2.306.328.351	43.763.636	151.843.086.476
- Mua trong năm	-	30.000.000	-	38.466.000	-	68.466.000
- Xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm	2.120.409.091	12.590.391.546	-	-	35.875.000	14.746.675.637
- Bán, thanh lý	-	(44.122.430.832)	(800.914.000)	(592.634.182)	-	(45.515.979.014)
Số cuối năm	<u>28.956.866.956</u>	<u>85.564.807.849</u>	<u>4.788.775.489</u>	<u>1.752.160.169</u>	<u>79.638.636</u>	<u>121.142.249.099</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>2.334.733.541</i>	<i>3.820.448.948</i>	<i>880.183.976</i>	<i>1.149.766.796</i>	<i>43.763.636</i>	<i>8.228.896.897</i>
<b>Giá trị hao mòn:</b>						
Số đầu năm	15.361.124.837	67.684.954.430	3.895.060.212	2.043.278.037	43.763.636	89.028.181.152
- Khấu hao trong năm	1.975.062.944	9.247.623.460	700.419.020	193.073.076	-	12.116.178.500
- Bán, thanh lý	-	(27.344.035.219)	(800.914.000)	(592.634.182)	-	(28.737.583.401)
Số cuối năm	<u>17.336.187.781</u>	<u>49.588.542.671</u>	<u>3.794.565.232</u>	<u>1.643.716.931</u>	<u>43.763.636</u>	<u>72.406.776.251</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	<u>11.475.333.028</u>	<u>49.381.892.705</u>	<u>1.694.629.277</u>	<u>263.050.314</u>	<u>-</u>	<u>62.814.905.324</u>
Số cuối năm	<u>11.620.679.175</u>	<u>35.976.265.178</u>	<u>994.210.257</u>	<u>108.443.238</u>	<u>35.875.000</u>	<u>48.735.472.848</u>

Một phần nhà cửa, vật kiến trúc được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VNĐ

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	33.412.943	288.376.878	14.500.000	336.289.821
- Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	33.412.943	288.376.878	14.500.000	336.289.821
Trong đó: Đã khấu hao hết	-	273.376.878	14.500.000	287.876.878
<b>Giá trị hao mòn:</b>				
Số đầu năm	13.931.763	282.596.404	14.500.000	311.028.167
- Tăng trong năm	3.246.864	3.818.579	-	7.065.443
Số cuối năm	17.178.627	286.414.983	14.500.000	318.093.610
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	19.481.180	5.780.474	-	25.261.654
Số cuối năm	16.234.316	1.961.895	-	18.196.211

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất tại Bình Dương (*)	-	14.275.664.796
Chi phí mua máy móc, thiết bị chưa đưa vào sử dụng	-	9.737.923.754
	-	<b>24.013.588.550</b>

(\*) Đây là khoản tiền thuê đất Công ty đã thanh toán theo hợp đồng thuê đất ngày 6 tháng 6 năm 2007 được ký giữa Công ty TNHH Thiên Nam và Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội (đối với tổng diện tích đất thuê là 16.161,9 m<sup>2</sup> tại số 1P, Lô A1, Khu công nghiệp Dệt may Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương và thời gian thuê trong 50 năm). Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 721943 ngày 4 tháng 6 năm 2009 đối với diện tích đất thuê này ("Quyền sử dụng đất tại Bình Dương") và đã sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội như đã trình bày tại Thuyết minh số 15. Theo sự chấp thuận nguyên tắc của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, Công ty đã sử dụng Quyền sử dụng đất này làm tài sản góp vốn vào Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên như đã trình bày tại Thuyết minh số 13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị (VNĐ)	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị (VNĐ)
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên	27.000.000	27.000.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác				
- Công ty Cổ phần Hapro Thanh Hóa	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(750.000.000)	-	(750.000.000)
	<b>27.075.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>75.000</b>	<b>-</b>

**13.1 Đầu tư vào công ty con**

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên	90%	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312087253 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2012, Công ty đã tham gia thành lập Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh và bán buôn thực phẩm. Công ty này có trụ sở chính đăng ký tại tầng 1, số 60 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên là 30 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 90% vốn bằng giá trị Quyền sử dụng đất tại Bình Dương (xem Thuyết minh 12). Số vốn còn lại do hai cổ đông là Ông Đào Xuân Tứ và Ông Huỳnh Quang Đức, mỗi cổ đông nắm 5% và đóng góp bằng tiền mặt. Theo Thỏa thuận góp vốn thông qua ngày 8 tháng 12 năm 2012, các cổ đông sáng lập trong Công ty Sữa tự nhiên thống nhất đánh giá giá trị Quyền sử dụng đất tại Bình Dương do Công ty góp là 27 tỷ đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0312087253 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 19 tháng 3 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên được nâng lên thành 150 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 18% vốn điều lệ bằng giá trị Quyền sử dụng đất theo đánh giá nói trên, Ông Đào Xuân Tứ góp 2% vốn điều lệ bằng tiền mặt và Công ty TNHH Phát triển Công nghệ mới Sản phẩm mới - một cổ đông lớn của Công ty (thay thế Ông Huỳnh Quang Đức) góp 80% vốn điều lệ bằng tiền và tài sản.

Do Công ty chỉ nắm giữ quyền kiểm soát trong Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên trong thời gian dưới 12 tháng, Công ty lựa chọn điều khoản miễn trừ nêu ra trong đoạn 5 của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và qua đó không lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 mặc dù Công ty có khoản đầu tư vào công ty con tại thời điểm này.

Tại ngày của báo cáo này, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội phục vụ cho việc chuyển đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại Bình Dương sang cho Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí quảng cáo hỗ trợ sản phẩm mới	4.707.155.078	3.060.117.622
Chi phí hỗ trợ kho lạnh cho nhà phân phối	36.962.438	176.767.673
Chi phí tử mát cho nhà phân phối mượn sử dụng	2.987.970.449	-
Chi phí thuê máy móc phục vụ sản xuất	173.820.174	305.321.833
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.135.450.807	2.002.214.220
Chi phí khác	198.072.767	26.267.176
	<b><u>9.239.431.713</u></b>	<b><u>5.570.688.524</u></b>

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí làm phim quảng cáo, chi phí phát triển, nghiên cứu thị trường cho các sản phẩm mới của Công ty; chi phí hỗ trợ kho lạnh, tử mát cho các nhà phân phối; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác với thời hạn phân bổ còn lại trên 1 năm.

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	52.063.281.162	44.813.472.734
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 15.2)	-	2.173.110.208
	<b><u>52.063.281.162</u></b>	<b><u>46.986.582.942</u></b>

**15.1 Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn được trình bày dưới đây:**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012 VNĐ</i>	<i>Lãi suất/ năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>
Các khoản vay VNĐ từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Tây Hà Nội	33.726.436.471	12%- 13%	Nợ gốc sẽ được trả sau 4 - 5 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất được trả vào ngày 25 hàng tháng
Các khoản vay VNĐ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (MB) - Sở Giao Dịch	13.528.363.900	14,5%- 15,5%	Nợ gốc sẽ được trả sau 5-6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất được trả vào ngày 25 hàng tháng
Các khoản vay VNĐ từ Ngân hàng Liên Doanh Việt Nga (VRB) - Sở giao dịch	4.808.480.791	14%- 15%	Nợ gốc sẽ được trả tối đa không quá 4 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất được trả vào tháng 3 và tháng 4 năm 2013
	<b><u>52.063.281.162</u></b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**15.1 Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn được trình bày dưới đây** (tiếp theo):

Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất trả tiền hàng năm tại Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất như nhà máy sản xuất, nhà điều hành, đường, sân, vườn, cổng, xưởng cơ khí, kho, nhà ăn và các công trình khác với giá trị ước tính là 34.048.800.000 đồng.

Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Bình Dương..Như trình bày trong Thuyết minh số 12, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội đã chấp thuận cho Công ty sử dụng Quyền sử dụng đất tại Bình Dương làm tài sản góp vốn vào Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên. Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên cũng đã cam kết tiếp tục sử dụng Quyền sử dụng đất tại Bình Dương làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội trước, trong và sau khi việc góp vốn hoàn thiện về mặt pháp lý theo yêu cầu của ngân hàng.

Các khoản vay từ Ngân hàng Liên Doanh Việt Nga được đảm bảo bằng tín chấp.

**15.2 Chi tiết các khoản nợ dài hạn đến hạn trả được trình bày dưới đây:**

Nợ dài hạn đến hạn trả là số dư nợ của khoản vay bằng đô la Mỹ từ Ngân hàng Liên doanh Việt Nga với lãi suất 7,8%/ năm và được đảm bảo bằng dây chuyền sản xuất sữa chua ăn của Dự án: "Đầu tư mở rộng sản xuất sữa chua ăn" hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02.10.05/HĐTC/SGD ngày 21 tháng 6 năm 2010 giữa hai bên. Vào ngày 25 tháng 12 năm 2012, Công ty đã trả toàn bộ gốc vay cho hợp đồng vay này.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	4.318.486.543	4.836.495.770
Thuế xuất, nhập khẩu	452.720.931	384.511.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.2)	441.191.016	641.191.016
Thuế thu nhập cá nhân	1.859.290.068	411.081.294
Các loại thuế khác	373.290.930	373.290.929
	<b><u>7.444.979.488</u></b>	<b><u>6.646.570.967</u></b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Phải trả đại lý phân phối	2.061.918.534	2.592.367.276
Chi phí marketing	618.705.274	1.197.800.331
Chi phí vận tải phải trả	524.446.356	637.387.743
Thưởng doanh số cho nhân viên bán hàng	378.472.594	319.796.667
Phải trả khác	569.638.833	592.749.870
	<b><u>4.153.181.591</u></b>	<b><u>5.340.101.887</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải trả	860.688.002	535.455.318
Thuế giá trị gia tăng trích trước cho thu nhập khác từ thanh lý tài sản cố định	2.583.299.714	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	462.324.011	631.571.323
	<b><u>3.906.311.727</u></b>	<b><u>1.167.026.641</u></b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Trợ cấp thôi việc phải trả	479.085.250	830.939.173
	<b><u>479.085.250</u></b>	<b><u>830.939.173</u></b>

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động (Thuyết minh số 32).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lỗ lũy kế</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm trước</b>						
Số dư đầu năm	125.000.000.000	63.778.796.500	3.817.286.084	1.160.418.827	(61.919.764.055)	131.836.737.356
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.576.633.258	1.576.633.258
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	(1.174.319.623)	(1.174.319.623)
Số dư cuối năm	<u>125.000.000.000</u>	<u>63.778.796.500</u>	<u>3.817.286.084</u>	<u>1.160.418.827</u>	<u>(61.517.450.420)</u>	<u>132.239.050.991</u>
<b>Năm nay</b>						
Số dư đầu năm	125.000.000.000	63.778.796.500	3.817.286.084	1.160.418.827	(61.517.450.420)	132.239.050.991
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.216.677.758	1.216.677.758
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	(1.088.280.279)	(1.088.280.279)
Số dư cuối năm	<u>125.000.000.000</u>	<u>63.778.796.500</u>	<u>3.817.286.084</u>	<u>1.160.418.827</u>	<u>(61.389.052.941)</u>	<u>132.367.448.470</u>

(\*) Trong các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không chi trả cổ tức cho các cổ đông. Giảm khác là các khoản chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tổng cộng</i>	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>Tổng cộng</i>	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>
Vốn góp của cổ đông	125.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000	125.000.000.000
	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Vốn đầu tư đã góp của cổ đông</b>		
Vốn góp đầu năm	125.000.000.000	125.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

**20.4 Cổ phiếu**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>12.500.000</b>	<b>12.500.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>12.500.000</b>	<b>12.500.000</b>
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>12.500.000</i>	<i>12.500.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>12.500.000</b>	<b>12.500.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (năm 2011: 10.000 VNĐ).

**20.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Quỹ đầu tư và phát triển	3.817.286.084	3.817.286.084
Quỹ dự phòng tài chính	1.160.418.827	1.160.418.827
	<b>4.977.704.911</b>	<b>4.977.704.911</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>234.862.570.173</b>	<b>282.444.416.781</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng (*)</i>	<i>234.862.570.173</i>	<i>282.444.416.781</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(11.300.408.078)</b>	<b>(10.364.560.673)</b>
Chiết khấu thương mại	(11.249.422.455)	(10.279.483.859)
Hàng bán bị trả lại	(50.985.623)	(85.076.814)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>223.562.162.095</b>	<b>272.079.856.108</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>223.562.162.095</i>	<i>272.079.856.108</i>

(\*) Trong tổng doanh thu bán hàng của Công ty trong năm 2012 đã bao gồm một số khoản sau:

- ▶ Doanh thu bán nguyên liệu (sữa bột nhập khẩu từ Newzealand) cho Công ty Cổ phần Đại Tân Việt với số tiền là 11.934.125.000 đồng. Đây là số sữa bột đã được Công ty mua từ Công ty Cổ phần Đại Tân Việt trong năm 2011 để phục vụ cho sản xuất. Tuy nhiên, trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2012, do Công ty đã nghiên cứu và phát triển công thức sản xuất sữa mới, sản phẩm sữa mới này sẽ dùng sữa bột nhập khẩu từ Mỹ thay cho sữa bột nhập khẩu từ Newzealand. Vì vậy, số sữa bột này không tiếp tục dùng cho sản xuất và được Công ty bán lại cho Công ty Cổ phần Đại Tân Việt.
- ▶ Doanh thu bán sữa cho Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh với số tiền là 606.066.700 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh số 27;
- ▶ Doanh thu bán sữa cho Công ty TNHH Việt Phát với số tiền là 606.059.832 đồng và bán nguyên liệu cho Công ty TNHH Việt Phát với số tiền là 4.285.714.286 đồng như đã trình bày ở Thuyết minh số 27.

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	1.152.028.090	1.252.511.851
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.488.685	601.612.637
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	326.417.898
Doanh thu từ hoạt động tài chính khác	74.631.197	-
	<b>1.264.147.972</b>	<b>2.180.542.386</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	188.823.145.690	219.297.579.065
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(89.564.187)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	311.837.482
	<b>188.823.145.690</b>	<b>219.519.852.360</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	6.853.805.635	4.694.317.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	59.241.859	2.486.356.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	188.558.219
Chi phí tài chính khác	149.329.802	-
	<b><u>7.062.377.296</u></b>	<b><u>7.369.232.033</u></b>

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>40.813.323.214</b>	<b>4.200.080.860</b>
Thu từ thanh lý tài sản [1]	27.000.006.080	3.244.786.364
Tiền cho thuê đất	428.218.181	450.618.180
Thu nhập từ góp vốn đầu tư vào công ty con [2]	12.724.335.204	-
Thu nhập khác	660.763.749	504.676.316
<b>Chi phí khác</b>	<b>(17.719.232.033)</b>	<b>(1.692.030.763)</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	(16.778.395.613)	(1.016.439.507)
Chi phí thuê đất	(181.818.181)	(181.818.180)
Các khoản tiền phạt	(420.961.720)	-
Chi phí khác	(338.056.519)	(493.773.076)
	<b><u>23.094.091.181</u></b>	<b><u>2.508.050.097</u></b>

[1] Đây là thu nhập từ thanh lý tài sản cho bên liên quan được trình bày trong Thuyết minh số 27.

[2] Đây là thu nhập từ đánh giá tăng giá trị Quyền sử dụng đất tại Bình Dương để đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên được trình bày trong Thuyết minh số 12, 13 và 27.

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.553.847.775	190.959.115.233
Chi phí nhân công	21.856.256.046	30.746.582.467
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản	12.123.243.943	12.072.044.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.312.930.065	21.901.913.717
Chi phí khác	15.546.355.345	12.109.427.353
	<b><u>231.392.633.174</u></b>	<b><u>267.789.083.301</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty trong 7 năm tiếp theo. Thuế suất áp dụng cho Công ty trong 10 năm đầu tiên là 20%, thuế suất áp dụng cho Công ty trong các năm sau giai đoạn miễn và giảm thuế là 25%. Công ty bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2004.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm là 10% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	33.500.000
	<b>-</b>	<b>33.500.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>1.216.677.758</b>	<b>1.610.133.258</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
Lợi nhuận chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	231.474.732	-
Hoàn nhập lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	137.859.679	(137.859.679)
Các khoản thuế bị truy thu và tiền phạt về vi phạm hành chính đã tính vào chi phí	420.961.720	253.232.092
Dự phòng trợ cấp thôi việc chưa sử dụng hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và sau khi trừ thanh toán thực tế trong năm 2012	479.085.250	-
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho không được khấu trừ kỳ trước	-	(89.564.187)
Các chi phí không được khấu trừ khác	330.914.785	
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>2.816.973.924</b>	<b>1.635.941.484</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	<u>(2.816.973.924)</u>	<u>(1.635.941.484)</u>
<b>(Lỗ)/thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	641.191.016	607.691.016
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	33.500.000
Thuế TNDN đã trả trong năm	<u>(200.000.000)</u>	<u>-</u>
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b><u>441.191.016</u></b>	<b><u>641.191.016</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 14.026.660.886 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 16.843.634.810 đồng) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2012	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2012
2010	2015	(1) 18.479.576.294	4.452.915.408	-	14.026.660.886
		<b>18.479.576.294</b>	<b>4.452.915.408</b>	<b>-</b>	<b>14.026.660.886</b>

(1) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế lũy kế và các chênh lệch tạm thời khác do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh	Cổ đông lớn	Bán thành phẩm [1]	606.066.700
		Mua hàng hóa [2]	2.575.435.360
		Mua nguyên liệu [3]	12.957.144.914
		Thanh toán tiền mua hàng	13.200.000.000
Công ty TNHH Việt Phát	Công ty có chung nhà đầu tư lớn	Thu tiền từ bán hàng và thanh lý tài sản	9.000.000.000
		Bán thành phẩm [4]	606.059.832
		Bán nguyên liệu [5]	4.285.714.286
		Thanh lý tài sản cố định [6]	12.364.006.080
		Thanh toán tiền mua hàng	1.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Sản phẩm mới Công nghệ mới	Cổ đông lớn	Thanh lý tài sản cố định [7]	14.636.000.000
Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên	Công ty con	Góp vốn [8]	27.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

- [1] Công ty có doanh thu bán sữa cho Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh với số tiền là 606.066.700 đồng vào tháng 12 năm 2012.
- [2] Trong năm 2012, Công ty phát sinh giao dịch mua hàng hóa với Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh với tổng số tiền là 2.832.978.896 đồng theo hợp đồng.
- [3] Trong năm 2012, Công ty mua nguyên liệu từ Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh với tổng số tiền là 12.957.144.914 đồng.
- [4] Công ty có doanh thu bán sữa cho Công ty TNHH Việt Phát với số tiền là 606.059.832 đồng vào tháng 12 năm 2012.
- [5] Trong năm 2012, Công ty phát sinh giao dịch bán nguyên liệu cho Công ty TNHH Việt Phát với số tiền là 4.285.714.286 đồng.
- [6] Trong tháng 1 năm 2012, Công ty thanh lý một số máy rót sữa cho Công ty TNHH Việt Phát với tổng giá bán là 12.364.006.080 đồng theo hợp đồng thanh lý số 01/HNM-VP ngày 1 tháng 1 năm 2012. Thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản này là 1.236.965.118 đồng.

Tại ngày của báo cáo này, số máy móc thiết bị nói trên vẫn chưa được thanh toán hết và đang được Công ty TNHH Việt Phát gửi tại nhà máy của Công ty.

- [7] Trong tháng 12 năm 2012, Công ty đã thanh lý một số máy móc thiết bị mà Công ty không có kế hoạch sử dụng trong tương lai cho Công ty TNHH Phát triển Công nghệ mới Sản phẩm mới với tổng giá bán là 14.636.000.000 đồng theo hợp đồng số 01/HNM-DPT ngày 15 tháng 12 năm 2012. Thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản này là 8.985.352.365 đồng.

Tại ngày của báo cáo này, số máy móc thiết bị nói trên vẫn chưa được thanh toán và đang được Công ty TNHH Phát triển Công nghệ mới Sản phẩm mới gửi tại nhà máy của Công ty.

- [8] Trong năm 2012, Công ty đã cùng Công ty TNHH Phát triển Công nghệ mới Sản phẩm mới - một cổ đông lớn của Công ty và một cá nhân tiến hành góp vốn đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên. Công ty sử dụng Quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 14.275.664.796 đồng làm tài sản góp vốn. Các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên đã nhất trí đánh giá tăng giá trị Quyền sử dụng đất do Công ty góp lên 27.000.000.000 đồng. Thu nhập từ việc đánh giá tăng giá trị tài sản góp vốn là 12.724.335.204 đồng.

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường.

Công ty bán tài sản cố định và thực hiện các giao dịch khác với các bên liên quan theo hợp đồng đã ký kết trên cơ sở giá thỏa thuận giữa các bên.

Số dư các khoản phải thu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (Ngày 31 tháng 12 năm 2011: 0).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu</i>
<b>Phải thu khách hàng</b> <i>(Thuyết minh số 6)</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Mai Xanh	Cổ đông Công ty có chung nhà đầu tư lớn	Bán hàng hóa	261.671.221
Công ty TNHH Việt Phát	Cổ đông Công ty có chung nhà đầu tư lớn	Bán hàng hóa	9.866.674.422
			<b><u>10.128.345.643</u></b>
<b>Phải thu khác</b> <i>(Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty TNHH Việt Phát	Công ty có chung nhà đầu tư lớn	Thanh lý tài sản	9.600.406.688
Công ty TNHH Phát triển Sản phẩm mới Công nghệ mới	Cổ đông	Thanh lý tài sản	16.099.600.000
			<b><u>25.700.006.688</u></b>
Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
			<i>Năm nay</i> <i>Năm trước</i>
Lương và thưởng		<u>3.607.749.231</u>	<u>2.784.579.121</u>
			<b><u>3.607.749.231</u></b> <b><u>2.784.579.121</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>1.216.677.758</u>	<u>1.576.633.258</u>
<b>Lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b><u>1.216.677.758</u></b>	<b><u>1.576.633.258</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>12.500.000</u>	<u>12.500.000</u>
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ)</b>	<b><u>12.500.000</u></b>	<b><u>12.500.000</u></b>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành các báo cáo tài chính.

**29. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động***

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	408.012.875	408.012.875
Trên 1 đến 5 năm	1.540.064.375	1.840.612.320
Trên 5 năm	<u>7.074.717.343</u>	<u>7.177.868.933</u>
	<b><u>9.022.794.593</u></b>	<b><u>9.426.494.128</u></b>

Đây là nghĩa vụ theo:

- ▶ hợp đồng thuê đất được ký ngày 26 tháng 6 năm 2002 với đơn giá 5.250 VNĐ/m<sup>2</sup>/năm cho tổng diện tích đất là 39.621,5 m<sup>2</sup> cho lô đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh. Hợp đồng thuê đất có hiệu lực trong thời gian 49 năm, kể từ ngày 6 tháng 2 năm 2002; và
- ▶ hợp đồng thuê mặt bằng, nhà xưởng Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Thực phẩm Vian với giá 200.000.000VNĐ/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**29. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

***Cam kết theo hợp đồng cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang cho thuê nhà đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	495.680.000	495.680.000
Trên 1 – 5 năm	1.682.720.000	1.983.267.945
Trên 5 năm	147.840.000	403.200.000
	<b>2.326.240.000</b>	<b>2.882.147.945</b>

Đây là cam kết cho Công ty Cổ phần Ô tô Việt Nam thuê đất theo hợp đồng số 09/2007/HĐ-HNM được ký ngày 15 tháng 12 năm 2007 với đơn giá 4.000 VNĐ/m<sup>2</sup>/tháng trong 10 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 cho lô đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh tổng diện tích đất là 5.600m<sup>2</sup>. Ngoài ra, mặt bằng, nhà xưởng của công ty Cổ phần Kỹ nghệ Thực phẩm Vian cũng đã được Công ty cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Nhật Nam thuê lại theo đúng các điều khoản mà Công ty đã thuê từ Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Thực phẩm Vian.

**30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính gồm các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường*** (tiếp theo)

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ của Công ty. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước. Trên cơ sở ở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

***Độ nhạy đối với lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể):

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>		
VNĐ	+200	(730.533.245)
VNĐ	-200	730.533.245
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>		
USD	+250	(1.058.927.447)
VNĐ	+10	(34.835.493)
USD	-250	1.058.927.447
VNĐ	-10	34.835.493

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn đáng kể so với các kỳ trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường*** (tiếp theo)

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không đáng kể.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro của Công ty về giá cổ phiếu niêm yết cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không đáng kể.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện nhập khẩu một số loại hàng hoá như sữa bột, phụ gia, bao bì. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng và phải thu khác*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng phải thu khách hàng và phải thu khác thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa thu được và yêu cầu thanh toán tiền trước cho mỗi lần chuyển hàng áp dụng riêng cho các nhà phân phối sản phẩm sữa của Công ty. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu và phải thu khác tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**Rủi ro tín dụng** (tiếp theo)

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Đơn vị tính: VNĐ

	Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
			< 1 năm	1 - 2 năm	2 - 3 năm	> 3 năm
Số cuối năm	59.302.062.009	58.123.368.160	235.166.647	899.020.942	44.506.260	-
Số đầu năm	35.211.399.355	34.198.620.660	238.993.402	283.710.672	490.074.621	-

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị tính: VNĐ

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
<b>31 tháng 12 năm 2012</b>				
Các khoản vay và nợ	-	52.063.281.162	-	52.063.281.162
Phải trả nhà cung cấp	8.772.191.444	-	-	8.772.191.444
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	4.237.033.008	-	-	4.237.033.008
	<b>13.009.224.452</b>	<b>52.063.281.162</b>	-	<b>65.072.505.614</b>
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>				
Các khoản vay và nợ	-	46.986.582.942	-	46.986.582.942
Phải trả nhà cung cấp	16.403.871.157	-	-	16.403.871.157
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	6.507.128.528	-	-	6.507.128.528
	<b>22.910.999.685</b>	<b>46.986.582.942</b>	-	<b>69.897.582.627</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	832.600.000	(801.265.000)	832.600.000	(801.265.000)	31.335.000	31.335.000
- Cổ phiếu niêm yết	132.600.000	(101.265.000)	132.600.000	(101.265.000)	31.335.000	31.335.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	700.000.000	(700.000.000)	700.000.000	(700.000.000)	-	-
Phải thu khách hàng	26.525.610.956	(2.366.353.327)	27.612.043.624	(1.498.409.224)	24.159.257.629	26.113.634.400
Phải thu khác	35.642.804.380	(500.000.000)	9.597.764.955	(500.000.000)	35.142.804.380	9.097.764.955
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.044.444.366	-	3.934.860.041	-	5.044.444.366	3.934.860.041
	<b>68.045.459.702</b>	<b>(3.667.618.327)</b>	<b>41.977.268.620</b>	<b>(2.799.674.224)</b>	<b>64.377.841.375</b>	<b>39.177.594.396</b>

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>31 tháng 12 năm 2012</i>	<i>31 tháng 12 năm 2011</i>
	<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Vay và nợ	52.063.281.162	46.986.582.942	52.063.281.162	46.986.582.942
Phải trả người bán	8.772.191.444	16.403.871.157	8.772.191.444	16.403.871.157
Chi phí trích trước và phải trả khác	4.237.033.008	6.507.128.528	4.237.033.008	6.507.128.528
	<b>65.072.505.614</b>	<b>69.897.582.627</b>	<b>65.072.505.614</b>	<b>69.897.582.627</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay ngân hàng và các nợ phải trả tài chính khác có giá trị gần với giá gốc do các khoản này có lãi suất xấp xỉ lãi suất thị trường.

**32. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán năm trước đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính của năm nay.

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011 (số liệu sau khi trình bày lại)</i>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Chi phí phải trả	6.171.041.060	(830.939.173)	5.340.101,887
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	830.939.173	830.939.173

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư khoản trợ cấp thôi việc phải trả trích lập theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động được trình bày trong cùng một khoản mục trên bảng cân đối kế toán với Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Bắt đầu từ năm 2012, theo quy định của Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm sẽ không có số dư vào cuối năm. Do đó, số dư khoản trợ cấp thôi việc phải trả đã được phân loại lại vào Các khoản phải trả dài hạn khác cho phù hợp với cách trình bày của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0312087253 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 19 tháng 3 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên – công ty con của Công ty được nâng lên thành 150 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 18% vốn điều lệ bằng giá trị Quyền sử dụng đất, Ông Đào Xuân Tứ góp 2% vốn điều lệ bằng tiền mặt và Công ty TNHH Phát triển Công nghệ mới Sản phẩm mới - một cổ đông lớn của Công ty (thay thế Ông Huỳnh Quang Đức) góp 80% vốn điều lệ bằng tiền và tài sản.

Do tỷ lệ sở hữu giảm từ 90% vốn điều lệ xuống 18% vốn điều lệ, Công ty không còn nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên và dừng trình bày khoản đầu tư vào công ty này là khoản đầu tư vào công ty con cho các báo cáo tài chính năm 2013.

Tuy nhiên do vẫn có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên trong năm 2013, Công ty trình bày khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sữa tự nhiên là khoản đầu tư vào công ty liên kết cho các báo cáo tài chính năm 2013.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

\_\_\_\_\_  
Người lập  
Hoàng Duy Hưng

\_\_\_\_\_  
Kế toán trưởng  
Phạm Tùng Lâm

\_\_\_\_\_  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Quang Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2013